

Số: 119/2020/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Tuyết Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/6/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Huỳnh Thị Tuyết Đ và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết Đ và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Đ, anh N xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Khả H, sinh ngày 20/3/2012 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 28/6/2016, chị Đ, anh N thống nhất thỏa thuận giao 02 con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/01 con/01 tháng, vậy 02 con là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) x 02 con x 01 tháng = 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*)/02 con/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con bắt đầu từ khi Quyết định này có hiệu lực cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn N, không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Án phí hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Tuyết Đ tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 010964 ngày 11/5/2020. Chị Đ được nhận lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tại chi cục thi hành án quận Ô Môn.

- *Án phí cấp dưỡng*: Anh Nguyễn Văn N phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tại chi cục thi hành án quận Ô Môn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Nương